



# KINH NGHIỆM TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO CÁC DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

LÊ THỊ THU HƯƠNG

**Báo cáo tài chính của doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán cho biết doanh nghiệp sử dụng nguồn lực tài chính như thế nào, các yếu tố sản xuất ra sao để từ đó có những biện pháp sử dụng tốt hơn các nguồn lực tài chính và yếu tố sản xuất nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao hơn. Vì vậy, phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán cần phải được xem là một yêu cầu thường xuyên và có ý nghĩa quan trọng đối với doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Khảo sát kinh nghiệm quốc tế trong trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp ở một số quốc gia, bài viết rút ra một số kinh nghiệm cho doanh nghiệp Việt Nam trong trình bày báo cáo tài chính.**

Từ khoá: Báo cáo tài chính, doanh nghiệp, thị trường chứng khoán

## EXPERIENCE IN PRESENTING FINANCIAL STATEMENTS OF THE LISTED FIRMS ON STOCK MARKET

Le Thi Thu Huong

*Financial statements of enterprises listed on the stock market show how they use financial resources and production elements, thereby taking measures to effectively use financial resources and production elements to achieve higher economic efficiency. Therefore, analyzing financial statements of enterprises listed on the stock market is considered a regular requirement, having important implications for enterprises in the market economy. Surveying international experiences in presenting financial statements of enterprises in some countries, the article proposes experience for Vietnamese enterprises.*

Keywords: Financial statements, enterprises, stock market

Ngày nhận bài: 11/8/2022  
 Ngày hoàn thiện biên tập: 22/8/2022  
 Ngày duyệt đăng: 29/8/2022

## Ý nghĩa của báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính (BCTC) là sản phẩm của kế toán tài chính, là đầu ra của hệ thống thông tin kế toán, phản ánh theo một cấu trúc chặt chẽ tình hình tài chính, kết quả tài chính của doanh nghiệp (DN). BCTC cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, kết quả tài chính và các luồng tiền của DN, đáp ứng yêu cầu của số đông những người sử dụng trong

việc đưa ra các quyết định kinh tế, nó cũng cho thấy kết quả quản lý của ban giám đốc đối với các nguồn lực được giao phó cho họ (IASB, 2012).

Theo Điều 3, Luật Kế toán số 88: “BCTC là hệ thống thông tin kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán được trình bày theo biểu mẫu quy định tại chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán”. BCTC phải được lập và gửi cơ quan có thẩm quyền đầy đủ, chính xác và kịp thời. Thông tin, số liệu trong BCTC của đơn vị kế toán phải được công khai theo quy định tại Điều 29, Điều 31 và Điều 32 của Luật này. Việc trình bày BCTC phải bảo đảm phản ánh đúng bản chất của giao dịch hơn là hình thức, tên gọi của giao dịch.

BCTC của DN niêm yết trên thị trường chứng khoán (TTCK) có ý nghĩa quan trọng đối với công tác điều hành hoạt động kinh doanh của DN cũng như đảm bảo về dòng tiền dành cho các nhà đầu tư, các chủ thể cho vay của DN, cụ thể:

*Đối với DN:* BCTC của DN niêm yết trên TTCK có ý nghĩa quan trọng nhất đối với chính công ty thành lập nên nó, bởi vì báo cáo được xem như là một chương tổng kết cuối cùng sau một năm hoặc một thời kỳ hoạt động kinh tế của DN. Trong BCTC sẽ trình bày đầy đủ về việc doanh thu các phần vốn, nợ công và các phần khác như chi tiêu, các luồng tiền và việc phân chia lãi suất đối với các công ty cổ phần. Do đó có thể thấy được BCTC như một sự kết luận cần được hoàn thành một cách chính xác để cung cấp cho DN một đường hướng chính xác hoạt động trong thời gian tiếp theo.

*Đối với cơ quan thuế và Nhà nước:* BCTC là một cơ sở cụ thể chi tiết để có thể kiểm tra thanh tra công ty



một cách minh bạch và chính xác, nhanh chóng hơn. Với một BCTC đúng chuẩn thì cơ quan thuế sẽ dễ dàng kiểm tra, cũng như làm rõ các khoản thuế có được đóng đầy đủ hay chưa, từ đó đưa ra các quyết định về thuế tiếp theo. Do đó, đối với người lập BCTC cần phải biết chính xác mẫu mã, cũng như các kỹ năng thành lập, để công ty không bị vướng lại trong khâu thanh tra này.

*Đối với các đơn vị đầu tư và khách hàng:* Các nhà đầu tư khi nhìn vào BCTC sẽ biết được đây có phải là công ty “vàng” để mình đầu tư tiền hay không. Còn đối với khách hàng thì một BCTC có thể coi là danh dự và uy tín của công ty để quyết định có mua hàng-nhập hàng của DN hay không. BCTC như một bộ mặt của DN thể hiện nên những việc công ty đã làm trong thời gian vừa qua, để từ đó những người có liên quan đến DN biết cách điều hành và chi phối các hoạt động của mình.

Như vậy, BCTC của DN niêm yết trên TTCK cho biết DN sử dụng nguồn lực tài chính như thế nào, các yếu tố sản xuất ra sao để từ đó có những biện pháp sử dụng tốt hơn các nguồn lực tài chính và yếu tố sản xuất nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao hơn. Vì vậy, phân tích BCTC của DN niêm yết trên TTCK cần được xem là một yêu cầu thường xuyên và có ý nghĩa quan trọng đối với DN trong nền kinh tế thị trường.

## Thực tiễn trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp ở một số quốc gia

### Nhật Bản

Hiện nay, Nhật Bản không quy định bắt buộc DN phải áp dụng Chuẩn mực BCTC quốc tế (IFRS). Theo đó, từ tháng 3/2010, các công ty đại chúng trong nước có thể lựa chọn 1 trong 4 chuẩn mực sau để lập và trình bày BCTC hợp nhất, gồm: Chuẩn mực kế toán Nhật Bản (JGAAP), IFRS), Chuẩn mực kế toán Nhật Bản có điều chỉnh (JMIS); Chuẩn mực kế toán Mỹ (US GAAP). Tuy nhiên, kể từ năm tài chính kết thúc vào ngày 31/3/2016, Nhật Bản không cho phép các DN niêm yết lựa chọn chuẩn mực kế toán Mỹ để lập và trình bày BCTC nữa.

Cùng với sự phát triển của internet, hiện nay các công ty đều công bố BCTC tại mục IR (Investor Relations) trên trang chủ của họ. Nếu muốn xem BCTC của công ty nào đó, chỉ cần sử dụng công cụ tìm kiếm của Google là được; Hoặc cũng có thể kiểm tra BCTC ở trên ứng dụng giao dịch của các công ty chứng khoán, ví dụ như ở mục trong ứng dụng iSPEED. Đối với các công ty lớn thì trong mục IR sẽ có rất nhiều tài liệu liên quan đến tài chính, nhưng

hầu hết các thông tin quan trọng đều có chứa về nội dung trình bày BCTC bao gồm: Tài liệu giải thích BCTC, kết quả tài chính, báo cáo thường niên. Cũng giống như Việt Nam, BCTC ở Nhật gồm có các loại tài liệu chính sau:

**Bảng cân đối kế toán:** Bảng cân đối kế toán (BS) là tài liệu cung cấp các thông tin tài chính, cụ thể là mối quan hệ giữa số tài sản công ty hiện có với số tiền nợ công ty hiện tại. Một bảng cân đối kế toán thường chia làm 3 thành phần chính, bao gồm “Tài sản”, “nợ phải trả”, “vốn chủ sở hữu”. Trong đó, tài sản = nợ phải trả + vốn chủ sở hữu.

Tài sản là tất cả những nguồn lực tài chính do công ty kiểm soát và nắm giữ.

Nợ phải trả là số tiền nợ các cá nhân hay cơ quan khác phát sinh từ các giao dịch mà đã thanh toán tín dụng thương mại từ trước đó.

Vốn chủ sở hữu là phần tài sản thuần của DN, được tài trợ bởi các cổ đông và lợi nhuận được tích lũy từ quá khứ.

Trong mục các tài sản được liệt kê từ trên xuống dưới gồm: Tài sản lưu động; tài sản cố định; tài sản hoãn lại, theo thứ tự thu hồi vốn và để quy thành tiền mặt.

Tài sản lưu động là tài sản có thể luân chuyển và thu hồi được vốn trong vòng một năm, chẳng hạn như các khoản thanh toán trước và các khoản phải thu. Một công ty có nhiều tài sản lưu động có nghĩa là họ có thể tránh được tình trạng thiếu vốn.

Tài sản cố định là tài sản có giá trị lớn cần hơn 01 năm mới có thể thu hồi vốn như nhà cửa, máy móc và các khoản vay dài hạn. Do đó, từ bảng cân đối kế toán, có thể nhìn thấy số dư tài sản, số nợ sẽ nhận và các khoản thanh toán trước, qua đó, có thể đánh giá được rằng “Liệu công ty đó có ổn định về tài chính trong tương lai hay không”.

Bản chất của tài sản hoãn kỳ là các khoản chi tiêu của DN kéo dài hơn một năm. Nếu một công ty có khả năng tạo ra lợi nhuận dài hạn sau khi chi tiêu, dù hữu hình hay vô hình, công ty đó có thể vốn hóa và khấu hao trong vài năm tiếp theo.

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:** Đây là tài liệu thể hiện tình hình hoạt động kinh doanh (lãi/lỗ) của một công ty trong một kỳ tài chính, thường là 01 quý hoặc năm. Một báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ở Nhật được bắt đầu từ doanh thu và kết thúc bằng lợi nhuận ròng chỉ thể hiện doanh thu của khối lượng sản phẩm, dịch vụ đã được bán ra trong kỳ báo cáo và không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền. Công thức tính doanh thu đơn giản như sau:

(Doanh thu) = (Giá sản phẩm) × (Số lượng sản phẩm bán ra)



Lợi nhuận gộp là phần lợi nhuận thu được sau khi trừ chi phí liên quan đến việc sản xuất và bán sản phẩm hay dịch vụ của công ty. Vì Lợi nhuận gộp = Doanh thu – Chi phí sản xuất, do đó chi phí sản xuất càng nhỏ thì lợi nhuận gộp càng lớn.

Thu nhập hoạt động là lợi nhuận của công ty sau khi chi phí hoạt động khỏi lợi nhuận gộp. Thu nhập hoạt động cho thấy khả năng sinh lời của công ty mà không phải trả lãi hoặc chi phí thuế.

(Thu nhập hoạt động) = (Lợi nhuận gộp) - (Chi phí bán hàng).

Nếu một công ty có lợi nhuận hoạt động này là dương (+), thì có thể nói công ty đó đang có lãi trong hoạt động kinh doanh chính của họ. Thu nhập hoạt động thể hiện lợi nhuận của công ty.

(Thu nhập từ hoạt động kinh doanh và tài chính) = (Thu nhập hoạt động) + (Doanh thu ngoài hoạt động kinh doanh) - (Chi phí ngoài hoạt động kinh doanh).

Là lợi nhuận thu được sau khi khấu trừ chi phí ngoài hoạt động kinh doanh của công ty. Nó là con số dễ dàng nhất để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh của một công ty, đồng thời cho thấy quyền lực quản lý của công ty.

Nếu như thu nhập từ hoạt động kinh doanh và tài chính tăng trưởng âm, thì công ty đó đang có vấn đề và nhà đầu tư không nên đầu tư tại thời điểm này.

Thu nhập ròng trước thuế là khoản lợi nhuận thu được bằng cách trừ khoản lãi hoặc lỗ bất thường xảy ra đột biến, khỏi thu nhập thông thường.

(Thu nhập ròng trước thuế) = (Thu nhập thông thường) - (Lãi lỗ bất thường)

Là khoản lãi hoặc lỗ xảy ra bất thường, ở Nhật Bản điển hình là do bán tài sản cố định.

Lợi nhuận ròng: Lợi nhuận thu được sau khi đã trừ các chi phí thuế như thuế doanh nghiệp, khỏi thu nhập ròng trước thuế. Nói đơn giản hơn, đây là khoản lợi nhuận của công ty sau khi đã trừ hết tất cả các chi phí. Đây là điểm quan trọng nhất trong BCTC, vì nó là căn cứ để biết công ty đang hoạt động như thế nào, lãi hay lỗ hay tiềm năng và xu hướng phát triển trong tương lai.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ ghi lại dòng tiền ra vào cũng như nguyên nhân tăng, giảm tiền tệ của công ty trong một khoảng thời gian nhất định. Chỉ cần đọc kỹ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, có thể kiểm tra được công ty đó hiện tại có bao nhiêu “tiền mặt”.

Nhìn chung, các DN niêm yết và DN chuẩn bị niêm yết tại Nhật Bản được tự nguyện lựa chọn áp dụng chuẩn mực IFRS để trình bày BCTC hợp nhất nhưng phải áp dụng theo JGAAP khi lập và trình

bày BCTC riêng để gửi cho các cơ quan có thẩm quyền như cơ quan thuế, cơ quan quản lý khác... Nhật Bản cũng không cấm các DN áp dụng IFRS cho việc lập và trình bày BCTC riêng phục vụ cho các mục đích khác như để quản trị DN, để hợp nhất với BCTC của công ty mẹ ở nước ngoài, vay vốn trên thị trường quốc tế... Các công ty nước ngoài niêm yết ở Nhật Bản cũng được tự nguyện áp dụng chuẩn mực IFRS để lập BCTC hợp nhất cho mục đích niêm yết ở thị trường Nhật Bản.

### Hàn Quốc

Ở Hàn Quốc, tất cả các DN niêm yết, tổ chức tài chính, DN nhà nước và các đơn vị có lợi ích công chúng đều thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng IFRS và không có ngoại lệ. Các quy định bắt buộc các công ty này áp dụng IFRS được thực hiện từ năm 2011. Ngoài ra, còn có các đối tượng khác tự nguyện áp dụng IFRS. Tất cả các DN không niêm yết khác được tự nguyện áp dụng IFRS. Nếu đã áp dụng IFRS thì không bắt buộc phải áp dụng K-GAAP của Hàn Quốc.

Các DN nước ngoài niêm yết tại thị trường Hàn Quốc được tự nguyện lựa chọn một trong các khuôn khổ sau để trình bày BCTC cho mục đích niêm yết tại Hàn Quốc, bao gồm: Chuẩn mực IFRS; Chuẩn mực IFRS được thông qua tại Hàn Quốc (K-IFRS); Chuẩn mực kế toán Mỹ (US GAAP). Các DN nhỏ và vừa được tự nguyện áp dụng IFRS. Các DN không niêm yết là DN VVN thuộc đối tượng phải kiểm toán độc lập được yêu cầu bắt buộc sử dụng K-GAAP nếu không chọn áp dụng IFRS đầy đủ.

Các đối tượng bắt buộc áp dụng chuẩn mực K-IFRS đều được yêu cầu đối với cả việc lập BCTC hợp nhất và BCTC riêng. Còn các đối tượng bắt buộc áp dụng chuẩn mực IFRS để lập BCTC cho mục đích niêm yết như là các công ty nước ngoài niêm yết ở Hàn Quốc thì chỉ yêu cầu đối với BCTC hợp nhất.

Nội dung trình bày BCTC bao gồm: Bảng cân đối kế toán; trình bày phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện có và nguồn vốn hình thành tài sản đó; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh BCTC; Báo cáo của kiểm toán viên.

### Malaysia

Ở Malaysia, IFRS được điều chỉnh tối thiểu khi hệ thống chuẩn mực BCTC quốc gia được thiết lập. Các khung này đã được ban hành bởi Hội Chuẩn mực kế toán Malaysia (MASB) và được áp dụng bởi các DN ở Malaysia tùy thuộc vào từng loại hình



doanh nghiệp. Cụ thể, PERS chỉ được áp dụng bởi các công ty tư nhân, ngoại trừ các công ty chuyển đổi. Tuy nhiên, từ ngày 01/01/2013 trở đi, các công ty chuyển đổi này buộc phải thực hiện MFRS. Malaysia không yêu cầu IFRS cho các DN nhỏ vì không có đủ nguồn lực để thực hiện.

Nội dung trình bày BCTC: Điều 167 Luật Công ty quy định công ty và các giám đốc, người quản lý phải nộp báo cáo kết quả kinh doanh cùng bảng cân đối kế toán đúng hạn và đảm bảo sự chính xác. Những báo cáo này phải được chuẩn bị phù hợp với các tiêu chuẩn kế toán đã được phê duyệt.

Theo Điều 169 Luật Công ty, các báo cáo này phải được đệ trình tại cuộc họp Đại hội thường niên. Báo cáo đầu tiên của công ty phải được nộp trong vòng 18 tháng sau khi công ty được thành lập. Sau đó, các báo cáo phải được thực hiện hàng năm, cách nhau một khoảng thời gian tối đa không quá 15 tháng. Các báo cáo phải được nộp trong khoảng thời gian không quá 06 tháng kể từ ngày nộp báo cáo gần nhất cho tới trước khi họp Đại hội thường niên.

Các báo cáo bao gồm: Kết quả kinh doanh; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo của giám đốc; Các chú thích kèm theo và báo cáo nhóm (nếu có).

Các báo cáo kiểm toán phải được xác nhận bởi giám đốc hoặc người quản lý hoặc thư ký công ty về sự chính xác của các văn bản đó. Các báo cáo kiểm toán phải được thực hiện bằng tiếng Bahasa Malaysia hoặc tiếng Anh. Nếu sử dụng các ngôn ngữ khác thì sẽ phải dịch sang tiếng Bahasa Malaysia hoặc tiếng Anh.

Hiện nay, các DN tại Malaysia hoạt động dựa vào bộ 3 khuôn khổ kế toán: Khung chuẩn mực BCTC cũ (FRS) được ban hành dựa vào Hội đồng chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IAS); Khung chuẩn mực báo cáo dành cho các tổ chức tư nhân (PERS) và khung chuẩn mực BCTC Malaysia (MFRS). Bộ 3 khuôn khổ này đều do Hội đồng Chuẩn mực kế toán Malaysia (MASB) ban hành và được các tổ chức áp dụng tùy thuộc vào từng loại hình tổ chức. Theo đánh giá, dù tiến trình áp dụng IFRS của Malaysia là chậm và đều hơn so với nước khác nhưng chuẩn mực kế toán Malaysia hoàn toàn theo sát chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS.

Việc ban hành MFRS đã thể hiện cam kết của Malaysia trong tiến trình thông qua IFRS và MFRS trở thành chuẩn mực đáng tin cậy trong việc hướng dẫn cho các DN niêm yết trình bày BCTC tuân theo IFRS. Trong quá trình thông qua IFRS, Malaysia cũng gặp nhiều thách thức như việc thu nhập, chuẩn bị, trình bày thông tin làm phát sinh chi phí nhiều hơn lợi ích mang lại. Malaysia hiện đang áp dụng

IFRS vững chắc, gắn với nâng cao giáo dục, đào tạo những người hành nghề trong lĩnh vực kế toán, thúc đẩy sự phát triển các hiệp hội nghề nghiệp, tạo cơ sở quan trọng cho tiến trình thông qua hoàn toàn IFRS tại quốc gia này.

### Trung Quốc

Trung Quốc là minh chứng điển hình, quốc gia chuyển từ nền kinh tế kế hoạch tập trung sang nền kinh tế thị trường đã sử dụng IFRS làm cơ sở chính để xây dựng hệ thống chuẩn mực BCTC của riêng họ. Quốc gia này không áp dụng đầy đủ IFRS mà chỉ áp dụng một phần và thực hiện các sửa đổi hoặc điều chỉnh cho phù hợp với quốc gia của họ.

Tháng 2/2006, Trung Quốc đã công bố Chuẩn mực kế toán DN, được gọi là nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung (GAAP) mới của Trung Quốc (PRC GAAP). GAAP về cơ bản hợp nhất với IFRS. GAAP mới áp dụng bắt buộc đối với các công ty niêm yết, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, doanh nghiệp đại chúng với quy mô lớn, các tổ chức tài chính trong lĩnh vực ngân hàng và các công ty quản lý quỹ. Tuy nhiên, từ năm 2008, yêu cầu này đã bị hủy bỏ, thay vào đó, các công ty ở Trung Quốc phải công bố BCTC theo IFRS nếu được niêm yết trên cả hai sàn giao dịch chứng khoán Trung Quốc và đã phát hành cổ phiếu loại "B" (cổ phiếu được giao dịch bằng USD và được mua bởi nhà đầu tư nước ngoài). Đến tháng 4/2010, Bộ Tài chính Trung Quốc công bố lộ trình tiếp tục kết hợp chuẩn mực kế toán DN Trung Quốc với IFRS.

Trên thực tế, Chuẩn mực kế toán DN Trung Quốc vẫn chưa đạt được chất lượng IFRS đề ra. Để giải quyết các thách thức và trở ngại, Trung Quốc đã thực hiện: i) Thành lập nhóm làm việc của Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Trung Quốc để thảo luận về các vấn đề thực tế gặp phải; ii) Bắt đầu điều tra và nghiên cứu tại chỗ về các vấn đề được xác định trong phân tích báo cáo hàng năm của các công ty niêm yết; iii) Tổ chức đào tạo về PRC GAAP mới cho nhân viên kế toán; iv) Tăng cường sự phối hợp và hợp tác giữa Bộ Tài chính và các cơ quan chức năng cũng như các cơ quan quản lý khác đối với lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm, kiểm toán và tài sản nhà nước.

Ở Trung Quốc, các DN đại chúng trong nước không bắt buộc phải áp dụng chuẩn mực IFRS. Các DN này phải áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc gia của Trung Quốc (ASBE) cho việc trình bày BCTC tại Trung Quốc đại lục.



## Kinh nghiệm lập báo cáo tài chính cho các doanh nghiệp Việt Nam

Từ thực tiễn lập BCTC của các DN ở một số quốc gia cho thấy, trong thời gian tới, các DN Việt Nam cần tập trung vào một số nội dung chính sau:

*Thứ nhất*, trong quá trình triển khai, áp dụng IFRS tại Việt Nam sẽ đối mặt với một số thách thức, rào cản như: Thiếu nhiều nguồn lực trong triển khai thực hiện; thị trường vốn và thị trường tài chính chưa phát triển đủ mạnh; Tâm lý không muốn công khai về tình hình tài chính của một số DN; Đội ngũ nhân lực về kế toán chưa được đào tạo sâu về IFRS; Rào cản về ngôn ngữ; Yếu tố văn hóa, tư duy và khía cạnh pháp lý...

Hầu hết các quốc gia trong khu vực thừa nhận nhưng không bắt buộc áp dụng chuẩn mực quốc tế mà cho phép DN được lựa chọn giữa chuẩn mực quốc gia hoặc chuẩn mực quốc tế (bản chất là áp dụng IFRS tự nguyện). Một số quốc gia quy định cụ thể về một số đối tượng bắt buộc phải áp dụng IFRS còn các đối tượng khác thì được khuyến khích áp dụng.

Qua khảo sát thực tế, hầu hết các đối tượng áp dụng IFRS tại các nước là các DN đại chúng quy mô lớn, như vậy, ở Việt Nam, ngoài các DN tự nguyện, bắt buộc áp dụng IFRS, cần thực hiện rà soát, ban hành mới Hệ thống Chuẩn mực BCTC Việt Nam (VFRS), thay thế cho 26 chuẩn mực kế toán hiện nay, áp dụng cho các DN còn lại. Trong đó, với đặc thù nền kinh tế Việt Nam, phần lớn các DN có quy mô nhỏ và vừa hoặc siêu nhỏ thì cần được hướng dẫn riêng theo Luật hỗ trợ DN nhỏ, siêu nhỏ.

*Thứ hai*, về phạm vi, cách thức áp dụng IFRS: Phần lớn quốc gia đều tuyên bố áp dụng nguyên mẫu IFRS. Một số nước cho phép áp dụng IFRS cho cả BCTC hợp nhất và BCTC riêng nhưng cũng có nước chỉ cho phép áp dụng IFRS cho BCTC hợp nhất. Một số ít các nước lựa chọn phương pháp áp dụng IFRS theo từng đợt, mỗi đợt áp dụng một số chuẩn mực theo khả năng của các DN. Như vậy, việc công bố áp dụng nguyên mẫu IFRS mang lại nhiều hiệu quả và lợi ích, tuy nhiên DN cần xác định nhu cầu, khả năng và điều kiện của đơn vị mình một cách nghiêm túc để đảm bảo tính khả thi khi triển khai thực hiện. Ngoài ra, các VFRS cũng cần tiệm cận với IFRS, nhằm tiếp cận nhiều hơn với thông lệ quốc tế.

*Thứ ba*, về quy trình công bố và chuẩn bị áp dụng IFRS: Việc áp dụng IFRS là một công việc tương đối phức tạp nên thông thường các quốc gia đều phải xây dựng kế hoạch và lộ trình áp dụng IFRS. Các DN cũng được thông báo để có đủ thời gian chuẩn bị cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ thông tin, nhân lực

(tối thiểu 3 năm kể từ ngày công bố chủ trương) khi triển khai áp dụng... Là một nền kinh tế đang từng bước hội nhập quốc tế, thị trường tài chính dù đã có bước phát triển nhưng vẫn còn non trẻ, Việt Nam cần xây dựng lộ trình có tính thận trọng khả thi, với mục tiêu đảm bảo ổn định hệ thống tài chính, tiền tệ; đảm bảo tính khả thi trong công tác quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước và khả năng thực hiện của DN, mang lại hiệu quả thiết thực.

*Thứ tư*, về xử lý sự khác biệt giữa chuẩn mực BCTC và chính sách thuế, cơ chế tài chính: Việt Nam hiện nay gồm có 3 loại văn bản quy phạm pháp luật cùng tác động đến công tác tài chính của DN là chuẩn mực BCTC, chính sách thuế và cơ chế tài chính dẫn đến sự chông chéo, không nhất quán trong cách thức tiếp cận và áp dụng các chính sách này do DN cũng như cơ quan quản lý nhà nước chưa phân biệt rõ phạm vi áp dụng của chuẩn mực BCTC, chính sách thuế và cơ chế tài chính.

*Thứ năm*, nội dung BCTC: Theo kinh nghiệm ở các quốc gia, BCTC Việt Nam cần đầy đủ các thành phần sau: Tài liệu giải thích BCTC, kết quả tài chính, báo cáo thường niên. Trong bảng cân đối kế toán ngoài tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn, còn thêm tài sản hoãn lại, theo thứ tự thu hồi vốn và dễ quy thành tiền mặt. Bản chất của tài sản hoãn kỳ là các khoản chi tiêu của doanh nghiệp kéo dài hơn một năm. Nếu một công ty có khả năng tạo ra lợi nhuận dài hạn sau khi chi tiêu, dù hữu hình hay vô hình, công ty đó có thể có văn hoá và khấu hao trong vài năm tiếp theo. 

### Tài liệu tham khảo:

1. Trần Thị Thảo (2020), *Kinh nghiệm quốc tế về BCTC khu vực công và bài học cho Việt Nam*, Tạp chí Kế toán và Kiểm toán;
2. Nguyễn Thị Phương Thanh, Nguyễn Trần Khánh (2020), *Học viện Chính sách và Phát triển Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế: Kinh nghiệm từ một số quốc gia trên thế giới*, Tạp chí tài chính;
3. Nguyễn Thế Thọ (2017), *Áp dụng IFRS đối với các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam lợi ích, thách thức và lộ trình*; <http://ifrsvietnam.vn/tin-tuc/nguyen-cuu-trao-doi-72/ap-dung-chuan-muc-bao-cao-tai-chinh-quoc-te-ifsr-doi-voi-cac-cong-ty-niem-yet-tren-thi-truong-chung-khoan-viet-nam-loi-ich-thach-thuc-va-lo-trinh-177.html>.
4. Dang Thai Hung (2008), *The system of VAS: The need, the content and roadmap for new updates and establishments*. Accounting Journals;
5. Doan Xuan Tien. (2008), *The system of VAS: Issues with rooms for improvements*. Auditing Journals, 6(91).

### Thông tin tác giả:

Lê Thị Thu Hương

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Email: lethuong83@gmail.com